

BÁO CÁO
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI
03 NĂM (2024 - 2026)

PHẦN THỨ NHẤT

Tình hình kinh tế - xã hội và tài chính - ngân sách nhà nước
tỉnh Đồng Nai năm 2023

I. Tình hình kinh tế - xã hội:

Nhiệm vụ tài chính - NSNN năm 2023 được triển khai trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, rủi ro, nguy cơ bất ổn gia tăng: xung đột Nga - Ucraina phức tạp hơn; nhiều quốc gia tiếp tục thực thi chính sách thắt chặt tiền tệ, lạm phát có xu hướng giảm nhưng vẫn còn ở mức cao, rủi ro trên các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản gia tăng; giá năng lượng, nguyên liệu đầu vào vẫn còn ở mức cao; tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại; hầu hết các nền kinh tế lớn suy giảm tăng trưởng; nhu cầu hàng hóa nhập khẩu của nhiều đối tác kinh tế lớn của Việt Nam giảm mạnh, có tác động mạnh đến nước ta.

Ở trong nước nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng, nền kinh tế vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Hoạt động sản xuất kinh doanh của một bộ phận doanh nghiệp còn khó khăn, thị trường thu hẹp, đơn hàng sụt giảm, khả năng tiếp cận nguồn vốn còn hạn chế. Thị trường bất động sản chậm phục hồi, hoạt động đầu tư của khu vực tư nhân và FDI chậm lại.

Với sự vào cuộc quyết liệt, điều hành chủ động, linh hoạt, hiệu quả các giải pháp chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác của các cấp, các ngành ở trung ương và địa phương đã hỗ trợ nền kinh tế, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân, thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định, các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo, lạm phát được kiểm soát, thúc đẩy phục hồi tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và đời sống nhân dân.

Với tình hình kinh tế - xã hội vừa thuận lợi, thách thức lớn, với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, sự nỗ lực các ngành, các cấp, người dân, nhìn chung tình tài chính - ngân sách năm 2023 đạt được nhiều thành tựu. Cụ thể:

1. Thu ngân sách nhà nước

Ước tổng thu NSNN trên địa bàn: 58.035.000 triệu đồng, đạt 94% dự toán giao đầu năm và bằng 88% so với cùng kỳ năm 2022. Cụ thể:

- Ước thu nội địa: 40.235.000 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao đầu năm và bằng 93% so với cùng kỳ (43.402.282 triệu đồng).

- Ước thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 17.800.000 triệu đồng, đạt 83% dự toán giao đầu năm và bằng 79% so với cùng kỳ (22.462.647 triệu đồng).

1.1. Các thuận lợi trong việc thực hiện dự toán thu NSNN năm 2023

Dưới sự chỉ đạo giám sát sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh. Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành tài chính tích cực thực hiện việc khai thác nguồn thu, cụ thể như sau:

- Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách của Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 15/7/2023 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, siết chặt kỷ luật, kỷ cương.

Bên cạnh đó, công tác khai thác nguồn thu được tập trung ngay từ những tháng đầu năm, công tác quản lý kê khai, kiểm tra, khai thác các nguồn thu về thuế giá trị gia tăng vĩnh viễn, thuế xây dựng cùng với đó là sự tích cực đôn đốc thu nợ, thu gia hạn về thuế của năm trước (năm 2022), tăng cường xử lý kịp thời, dứt điểm các khoản nợ ảo, nợ chờ xử lý,...; Bên cạnh đó, công tác giải quyết các hồ sơ về mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và trước bạ xe máy, xe ô tô luôn đảm bảo đúng hạn và kịp thời. Qua đó cũng góp phần khai thác các nguồn thu cho ngân sách.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật các chính sách về thuế luôn được đẩy mạnh bằng các hình thức phù hợp, giảm thủ tục hành chính không cần cung cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú giấy khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế. Đồng thời, chủ động tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế các chính sách về

gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2023,...

Công tác chỉ đạo quyết liệt thực hiện các giải pháp thu, chống thất thu ngân sách, khai thác các nguồn thu để bù đắp các nguồn thu thiếu hụt; thực hiện các biện pháp đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế vào NSNN. Nhờ đó, kết quả thu NSNN đối với các loại thu đều có sự tăng trưởng khá. Ngoài ra, chỉ đạo tập trung phân tích chuyên sâu các doanh nghiệp thuộc kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023 để nâng cao hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch được giao. Cụ thể kết quả thanh tra 10 tháng đầu năm đã thực hiện xử lý 1.662 cuộc thanh tra, tổng số thu qua kiểm tra tại doanh nghiệp là 587 tỷ đồng.

Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế cũng được tập trung triển khai đồng bộ, kết quả tổng số tiền thuế nợ không kể số tiền thuế nợ đang xử lý và tiền thuế nợ đang khiếu nại, khiếu kiện tính đến 30/09/2023 là 3.375 tỷ đồng.

1.2. Các khó khăn trong việc thực hiện dự toán thu NSNN

- Do sức ép lạm phát trên thế giới tăng cao, xung đột chính trị leo thang, khủng hoảng năng lượng ngày càng trầm trọng kéo theo khủng hoảng các thị trường hàng hóa khác, nhiều doanh nghiệp trên địa bàn đã phải cắt giảm người lao động, thu hẹp sản xuất, giảm giờ làm do không có đơn hàng mới, đồng thời báo cáo kết quả kinh doanh đầu năm 2023 đạt lợi nhuận thấp hoặc phát sinh lỗ. Hoạt động sản xuất, kinh doanh đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức hơn; xuất khẩu, đầu tư, thu hút FDI giảm, dịch bệnh,... là sức ép lớn đối với điều hành tăng trưởng, kinh tế vĩ mô. Nhiều doanh nghiệp phải tạm dừng sản xuất, một số doanh nghiệp không cầm cự được phải giải thể. Những tác động trên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu cho ngân sách.

- Các nguồn thu từ hoạt động mua bán bất động sản sụt giảm từ năm 2022 và tiếp tục kéo dài trong năm 2023. Đây là khoản thu chịu sự tác động trực tiếp đến các khoản thu từ thuế thu nhập cá nhân từ chuyển quyền sử dụng BĐS, tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ và tiền thuê đất .

- Tình hình kinh tế tiếp tục bất ổn, thu nhập thấp, người dân có xu hướng thắt chặt chi tiêu, tiết kiệm để tiêu dùng các sản phẩm thiết yếu hơn là nhu cầu đối với các xa xỉ phẩm, tài sản có giá trị như nhà đất, ô tô, xe máy.

- Lãi suất vay tại các ngân hàng tăng, các doanh nghiệp, cá nhân gặp nhiều khó khăn khi vay vốn để phục hồi, duy trì sản xuất kinh doanh sau dịch bệnh Covid-19 hoặc mua sắm tài sản.

- Về cơ chế chính sách:

Chính sách theo Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ ban hành về tỷ lệ tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ. Trong đó, quy định tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế phải nộp theo quyết toán năm và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành . Do đó, nguồn thu từ số thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2022 sẽ phải nộp trong quý I/2023 sẽ không nhiều. Do đó, số thu trong những tháng đầu năm không phát sinh nhiều;

Chính sách gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất năm 2023 của Chính phủ theo Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023 quy định gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất năm 2023 để hỗ trợ người nộp thuế (trong đó quy định bắt đầu từ kỳ thuế GTGT tháng 3/2023 và tạm nộp TNDN quý 1/2023); Đây cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN từ tháng 4/2023 đến nay.

Chính sách giảm 2% thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ từ 1/7 theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội.

Chính sách giảm 50% lệ phí trước bạ với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước từ 1/7 theo Nghị định số 41/2023/NĐ-CP ngày 28/6/2023 của Chính phủ.

Chính sách giảm thu 36 loại phí lệ phí từ ngày 1/7 theo Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ Tài chính.

Mức giảm thuế suất theo lộ trình cắt giảm thuế quan khi tham gia ký kết các hiệp định cam kết quốc tế WTO, CEPT/AFTA,... làm giảm số thu ngân sách của năm.

2. Chi ngân sách địa phương

* Ước tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 24.418.687 triệu đồng.

Bằng 94% dự toán giao đầu năm, bằng 158% so với cùng kỳ.

- Ước chi đầu tư phát triển: 10.382.195 triệu đồng.

Bằng 93% dự toán giao đầu năm, bằng 100% so với cùng kỳ.

- Ước chi thường xuyên: 13.088.000 triệu đồng.

Đạt 91% dự toán giao đầu năm và bằng 89% so với dự toán cùng kỳ.

- Ước chi lập quỹ dự trữ tài chính: 449.910 triệu đồng.
- Ước chi từ dự phòng ngân sách: 498.582 triệu đồng.

* Ước thực hiện chi đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương: 1.669.320 triệu đồng đạt 86% dự toán giao đầu năm.

2.1. Đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển

Việc cân đối vốn kế hoạch năm 2023 đảm bảo thứ tự ưu tiên trong công tác bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thường xuyên tổ chức giám sát, đánh giá dự án đầu tư, đôn đốc các chủ đầu tư triển khai thực hiện giải ngân đúng tiến độ, phù hợp với vốn kế hoạch giao không để xảy ra nợ đọng. Trong năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản¹ chỉ đạo đôn đốc giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2023; đồng thời cũng chủ trì làm việc với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị chủ đầu tư để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân của dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm của tỉnh.

Thực hiện thẩm định chủ trương đầu tư kịp thời và thẩm định các dự án đầu tư để hoàn thiện hồ sơ chuẩn bị giao bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023, giao kế hoạch đầu tư công năm 2023 và bổ sung danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

* Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số khó khăn sau:

- Một số dự án khởi công mới thuộc kế hoạch năm 2023 bố trí vốn chuyển tiếp. Tỷ lệ giải ngân các tháng đầu năm chưa cao là do phải hoàn ứng phần tạm ứng hợp đồng.

- Vướng mắc về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (đặc biệt là các dự án giao thông) là nguyên nhân chủ yếu làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân dự án, trong đó:

¹ Văn bản số 5695/UBND-KTNS ngày 07/6/2023 về việc triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2023. Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 27/9/2023 về đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai các tháng cuối năm 2023.

+ Mặt khách quan: do công tác đo vẽ, kiểm điểm, xác định nguồn gốc đất mất nhiều thời gian; do phải xử lý một số trường hợp hộ dân sang nhượng giấy tay mất nhiều thời gian; do người dân chưa đồng thuận với giá bồi thường và có khiếu nại, khiếu kiện...

+ Mặt chủ quan: năng lực của của đơn vị thực hiện công tác bồi thường còn hạn chế, chưa mạnh dạn áp dụng quy trình cưỡng chế theo quy định; chưa kịp thời xây dựng các khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng (đặc biệt là trên địa bàn thành phố Biên Hòa); công tác phối hợp giữa chủ đầu tư và địa phương chưa tốt; đồng thời, khi Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 6/5/2023 của Chính phủ về ủy quyền quyết định giá đất cụ thể có hiệu lực từ ngày 01/7/2023, UBND tỉnh đã phân cấp cho UBND cấp huyện quyết định giá đất cụ thể; tuy nhiên, một số địa phương cấp huyện còn e ngại về cơ cấu tổ chức bộ máy chưa sẵn sàng để thực hiện nhiệm vụ thẩm định giá đất nên cũng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Một số vướng mắc chủ quan khác:

+ Vướng mắc liên quan đến quy hoạch trong trường hợp dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư phải thực hiện điều chỉnh do quy hoạch thay đổi so với thời điểm phê duyệt chủ trương đầu tư.

+ Vướng mắc do việc phối hợp chưa tốt giữa chủ đầu tư với UBND cấp huyện và các sở, ngành trong thực hiện các thủ tục đầu tư dự án.

+ Sau khi ký kết hợp đồng thi công dự án, một số chủ đầu tư chưa quyết liệt yêu cầu nhà thầu lập kế hoạch triển khai cụ thể làm cơ sở theo dõi, đôn đốc kịp thời, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân dự án theo kế hoạch được giao.

* Đối với nguồn vốn bội chi 1.000 tỷ đồng để thực hiện Đề án trái phiếu chính quyền địa phương: UBND tỉnh đã có Văn bản số 5687/UBND-KTNS ngày 07/6/2023 xin ý kiến Bộ Tài chính về phương án triển khai Đề án trái phiếu chính quyền địa phương (thực hiện thủ tục về quy trình phát hành trái phiếu chính quyền địa phương trong năm 2023).

2.2. Đánh giá tình hình chi thường xuyên

Về chi thường xuyên trong năm 2023 về cơ bản đảm bảo trong dự toán được giao, đáp ứng đủ và kịp thời kinh phí cho hoạt động của các cơ quan, đơn vị, đảm bảo kinh phí thực hiện chi lương, chi trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội và các chính sách an sinh xã hội, đồng thời thực hiện tốt việc tiết kiệm, chống lãng

phí trong sử dụng kinh phí ngân sách, chi ngân sách đúng tiêu chuẩn, định mức mà tỉnh đã ban hành.

Các lĩnh vực chi được ước tính trên cơ sở theo nhu cầu thực tế của từng ngành, từng địa phương phát sinh trên địa bàn tỉnh. Trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo: 5.656.000 triệu đồng đạt 95% so với dự toán đầu năm. Trong đó đảm bảo kinh phí chi theo chế độ của các cơ sở giáo dục; kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các kỳ thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; kinh phí tập huấn và tham gia các giải thể thao, tổ chức hội nghị hướng dẫn nghiệp vụ, hội thảo phục vụ hoạt động chuyên môn,...

- Chi sự nghiệp y tế: 1.295.000 triệu đồng đạt 81% so với dự toán đầu năm. Cơ bản đảm bảo kinh phí thực hiện tốt công tác như: Phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm, kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu về y tế, phòng chống HIV/AIDS, kinh phí theo Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15/2/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập; Kinh phí mua sắm đầu tư trang thiết bị cho ngành y tế trên địa bàn tỉnh, kinh phí thực hiện các chính sách thu hút, trợ cấp, hỗ trợ nhân viên ngành y tế,...

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 52.000 triệu đồng đạt 44% so với dự toán đầu năm. Trong đó, đã đảm bảo kinh phí triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh, đảm bảo kinh phí thực hiện chương trình khoa học và công nghệ. Tuy nhiên việc thực hiện các nhiệm vụ đề tài còn chậm và một số không triển khai thực hiện được nên tiến độ giải ngân đạt thấp so với dự toán HĐND tỉnh giao. Nội dung này, UBND tỉnh sẽ thực hiện thu hồi và trình HĐND tỉnh phân bổ cho các nhiệm vụ mới và đang phát sinh tại kỳ họp cuối năm 2023.

- Chi lĩnh vực văn hóa thông tin: 183.000 triệu đồng, đạt 110% so với dự toán đầu năm. Trong đó đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi cho các ngày lễ lớn, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; Kinh phí thực hiện Bảo quản, tu bổ, tôn tạo di tích Quốc gia Văn miếu Trấn Biên tại phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai,...

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 1.110.000 triệu đồng đạt 116% so với dự toán đầu năm. Trong đó, đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội, trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng được hưởng chính sách xã hội trên địa

bàn, thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu hệ thống trợ giúp xã hội; kinh phí đầu tư, cải tạo, nâng cấp khu chăm sóc người già, người khuyết tật và người lang thang của Trung tâm Công tác xã hội,...

- Chi sự nghiệp kinh tế: 891.000 triệu đồng đạt 56% so với dự toán đầu năm. Trong sự nghiệp kinh tế, tỉnh đã tập trung đảm bảo các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, chi sự nghiệp kiến thiết thị chính; kinh phí thực hiện dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm; kinh phí đầu tư các thiết bị an toàn giao thông khắc phục điểm đen; kinh phí thực hiện nạo vét khơi thông dòng chảy lòng suối, kinh phí cấp bù thủy lợi phí, kinh phí duy tu bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh huyện, kinh phí thực hiện các dự án của sự nghiệp đất đai - tài nguyên nước và tài nguyên khoáng sản.

- Chi sự nghiệp môi trường: 412.000 triệu đồng, đạt 54% dự toán đầu năm. Trong đó chủ yếu thực hiện nhiệm vụ xử lý rác thải, các dự án, đề án nhiệm vụ về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Chi quản lý hành chính: 2.266.000 triệu đồng đạt 111% dự toán đầu năm. Trong đó cơ bản đảm bảo đủ để thực hiện chi lương mức tiền lương tối thiểu, đảm bảo định mức chi hoạt động cho các đối tượng theo Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 và Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh,...

Tóm lại, về cơ bản chi ngân sách địa phương năm 2023 vẫn đảm bảo các nhiệm vụ chi về chính sách chế độ cho các đối tượng chính sách và người lao động. Trong quá trình điều hành ngân sách vẫn còn một số sự nghiệp chi có tỷ lệ đạt thấp so với dự toán HĐND tỉnh giao. Nội dung này, UBND tỉnh sẽ thực hiện rà soát thu hồi các nhiệm vụ chi có tiến độ giải ngân chậm hoặc chưa triển thực hiện trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp cuối năm.

2.3. Bội chi

Trong năm 2023, tỉnh Đồng Nai không phát sinh bội chi ngân sách mới. Dư nợ ngân sách đến 31/12/2023 là 235 triệu đồng (trái phiếu Hồ Cầu mới). Theo quy định tại Khoản 6, Điều 7 Luật Ngân sách năm 2015 thì dư nợ cho phép trong năm 2023 của tỉnh là 7.103.731 triệu đồng (bằng 30% so với số thu ngân sách địa phương được hưởng trong năm 2023 là 23.679.104 triệu đồng). Như vậy, dư nợ ngân sách tỉnh Đồng Nai đảm bảo theo quy định Luật Ngân sách năm 2015.

2.4. Ước chi dự phòng ngân sách: 498.582 triệu đồng.

PHẦN THỨ II

Dự kiến tình hình phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng Kế hoạch Tài chính - Ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai 03 năm (2024 - 2026)

I. Dự kiến tình hình kinh tế - xã hội 03 năm 2024 - 2026

Các tổ chức quốc tế đều chung nhận định về triển vọng toàn cầu giai đoạn này sẽ tăng trưởng khả quan hơn so với các năm trước. Ngân hàng thế giới (WB) dự báo tăng trưởng toàn cầu trong năm 2024, 2025 lần lượt là 2,4% và 3,0%; Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu ở mức 3,0% trong năm 2024 và 3,2% trong năm 2025. Kinh tế toàn cầu dự báo vẫn phải đối mặt với một số khó khăn, thách thức: xung đột Nga - Ucraina kéo dài và khó đoán định; lạm phát có xu hướng giảm nhưng vẫn khó kiểm soát; thị trường tài chính quốc tế, thị trường ngoại hối biến động mạnh; căng thẳng thương mại công nghệ giữa các nước có dấu hiệu tăng trở lại thời kỳ hậu Covid-19.

Nước ta nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng, triển vọng kinh tế được đánh giá khả quan, kinh tế vĩ mô duy trì ổn định, tăng trưởng kinh tế phục hồi. Tuy nhiên, bên cạnh những nhân tố thuận lợi, nền kinh tế Việt Nam dự báo đối mặt với một số khó khăn, thách thức từ môi trường quốc tế và những vấn đề tồn tại trong dài hạn như: nguy cơ tụt hậu và rơi vào bẫy thu nhập trung bình; trình độ khoa học và công nghệ, năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp; mức độ tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực, năng lực tiếp cận nền kinh tế số, xã hội số hạn chế; vấn đề già hóa dân số; tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường tạo sức ép lớn về tài chính - ngân sách.

II. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2023 - 2025

Triển khai, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; an ninh - quốc phòng 05 năm 2021 - 2025 của tỉnh: *“Phát huy giá trị văn hóa; đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tích cực, chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; khai thác và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; phát huy cao nhất các tiềm năng và lợi thế; nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; bảo vệ môi trường để phát triển bền vững; giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; xây dựng Đồng Nai phát triển toàn diện về kinh tế, xã hội; là trung tâm công nghiệp và dịch vụ cảng hàng không, cảng nước sâu, cửa ngõ giao thương quốc tế; một trong những cực tăng trưởng quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước vào năm 2025 và là một trong những tỉnh phát triển trong топ đầu của cả nước vào năm 2030.”*

III. Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025

1. Mục tiêu, nhiệm vụ

- Phân đấu hoàn thành nhiệm vụ ngân sách đã được Quốc hội, HĐND tỉnh giao.

- Chủ động điều hành ngân sách đảm bảo cân đối ngân sách, đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ chính sách, các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

- Phân đấu tốc độ tăng thu nội địa không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước bình quân chung cả nước bình quân khoảng 5 - 7%/năm; tốc độ tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu bình quân khoảng 4-6%/năm trong giai đoạn 2023 - 2025, theo hướng dẫn tại Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/07/2023 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026.

- Phân đấu tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên trong cơ cấu chi ngân sách. Đảm bảo tỷ lệ chi đầu tư phát triển tối thiểu 35% tổng chi ngân sách, chi thường xuyên tối đa 63% tổng chi ngân sách.

- Đảm bảo vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết, bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2023-2025 tăng bình quân chung tối thiểu từ 5% - 6% theo Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/09/2020 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025.

2. Kế hoạch thu ngân sách nhà nước

Dự kiến thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2024 - 2026 của tỉnh Đồng Nai là 177.154.780 triệu đồng, cụ thể:

2.1. Về thu nội địa

Với kết quả thực hiện thu nội địa năm 2023 và xu hướng kinh tế - xã hội như trên, dự kiến tổng thu nội địa giai đoạn 2024 - 2026 đạt 121.040.280 triệu đồng, trong đó:

a) Về thu nội địa năm 2023

UBND tỉnh đã phối hợp làm việc với Bộ Tài chính và được giao chỉ tiêu như sau:

Tổng thu nội địa là 38.370.000 triệu đồng, bằng 95% ước thực hiện năm 2023. Trong đó:

+ Thu nội địa (không bao gồm thu tiền SDD và thu XSKT, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế) là 32.300.000 triệu đồng bằng 96% so với ước thực hiện năm 2023.

+ Thu xổ số kiến thiết là 1.870.000 triệu đồng, bằng 86% so với ước thực hiện năm 2023.

+ Thu tiền sử dụng đất: 3.600.000 triệu đồng, bằng 100% so với ước thực hiện năm 2023.

+ Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế: 600.000 triệu đồng, bằng 90% so với ước thực hiện năm 2023.

b) Dự kiến thu nội địa năm 2023 và 2024

Với kết quả thực hiện năm 2023, số Trung ương giao năm 2024, qua rà soát khả năng thực hiện giai đoạn 2025 - 2026, UBND tỉnh dự kiến thu nội địa ngân sách nhà nước giai đoạn 2025 - 2026 đạt 82.670.280 triệu đồng (năm 2025 là 40.308.000 triệu đồng, năm 2026 là 42.362.280 triệu đồng). Cụ thể:

+ Về thu nội địa (không bao gồm thu tiền sử dụng đất và thu XSKT, thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế): Với kết quả thực hiện năm 2023, số giao của Trung ương năm 2024, với tình hình kinh tế - xã hội thuận lợi và còn nhiều khó khăn, khó lường như trên, UBND tỉnh dự kiến theo hướng tích cực tốc độ tăng thu nội địa (không bao gồm thu tiền sử dụng đất và thu XSKT, thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế) 02 năm 2025 và 2026 khoảng 6%/năm (đảm bảo tốc độ tăng trưởng từ 5% - 7%/năm) và đạt 34.238.000 triệu đồng năm 2025, đạt 36.292.280 triệu đồng năm 2026.

+ Về thu xổ số kiến thiết: Với việc phải chia sẻ thị trường với xổ số điện toán (Vietlot) và sự cạnh tranh dữ dội giữa các công ty xổ số truyền thống hiện tại, thị trường xổ số đã tới điểm bão hòa, doanh số bán đã đạt rất cao trung bình khoảng 95% tổng số vé phát hành, khó mở rộng phát triển nguồn thu thêm. Theo đó, dự ước thu xổ số kiến thiết năm 2025 và năm 2026 bằng với dự toán năm 2024 là 1.870.000 triệu đồng.

+ Về thu tiền sử dụng đất: Dự kiến thu tiền sử dụng đất năm 2025 và năm 2026 bằng với dự toán năm 2024 và đạt 3.600.000 triệu đồng.

+ Về thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế: Dự kiến năm 2025 và năm 2026 bằng với dự toán năm 2024 và đạt 600.000 triệu đồng.

2.2 Về thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu

- Chỉ tiêu giao thu NSNN từ hoạt động xuất, nhập khẩu của Quốc hội năm 2024: 17.800.000 triệu đồng.

- Với kết quả thực hiện tốt năm 2023, số chỉ tiêu giao của Quốc hội năm 2024, trên cơ sở đánh giá khả năng thực hiện giai đoạn 2025-2026. UBND tỉnh đặt mục tiêu tốc độ tăng thu NSNN từ hoạt động xuất, nhập khẩu giai đoạn 2024-2025 theo hướng tích cực, đảm bảo quy định của trung ương (tăng tối thiểu 4-6%/năm) là trung bình 5%/năm và đạt 18.690.000 triệu đồng năm 2025, đạt 19.624.500 triệu đồng năm 2026.

3. Kế hoạch chi cân đối ngân sách giai đoạn 2023 - 2025

3.1 Kế hoạch chi cân đối ngân sách năm 2023

Trên cơ sở nhu cầu, UBND tỉnh đã phối hợp làm việc với Bộ Kế Hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về dự toán chi cân đối năm 2024 và đã được giao chỉ tiêu như sau:

Chi ngân sách địa phương trong cân đối: 23.204.120 triệu đồng, bằng 89% so với dự toán năm 2023 và bằng 93% so với ước thực hiện. Bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển: 9.988.405 triệu đồng, bằng 90% so với dự toán năm 2023 và bằng 89% so với ước thực hiện. Trong đó:

- | | |
|--|-----------------------|
| + Chi nguồn ngân sách tập trung | 4.518.405 triệu đồng. |
| + Chi từ nguồn tiền thu tiền sử dụng đất | 3.600.000 triệu đồng. |
| + Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết | 1.870.000 triệu đồng. |

- Chi thường xuyên: 12.739.223 triệu đồng, bằng 88% dự toán năm 2023 và Bằng 97% so với ước thực hiện. Trong đó:

- | | |
|------------------------------------|-----------------------|
| + Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo | 6.214.553 triệu đồng. |
| + Chi sự nghiệp khoa học công nghệ | 119.481 triệu đồng. |
| - Chi lập quỹ dự trữ tài chính: | 2.910 triệu đồng. |

- Chi dự phòng ngân sách: 473.582 triệu đồng.

3.2. Kế hoạch chi cân đối ngân sách năm 2024 và năm 2025

Thực hiện định hướng tốc độ tăng chi đầu tư phát triển bình quân chung từ 5% - 6% theo Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/09/2020 của Thủ tướng Chính phủ, các quy định về trích lập nguồn cải cách tiền lương hằng năm.

Với kết quả thực hiện chi cân đối ngân sách năm 2023 và dự toán được giao năm 2024 như trên, nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh xây dựng kế hoạch chi cân đối ngân sách năm 2025 và năm 2026 như sau:

- Năm 2025: Tổng chi cân đối ngân sách nhà nước là 26.557.605 triệu đồng, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển:	10.275.409 triệu đồng.
+ Chi thường xuyên:	15.498.354 triệu đồng.
+ Chi lập quỹ dự trữ tài chính:	2.910 triệu đồng.
+ Chi dự phòng ngân sách:	497.414 triệu đồng.
+ Chi tạo nguồn CCTL:	283.517 triệu đồng.

- Năm 2026: Tổng chi cân đối ngân sách nhà nước là 27.648.173 triệu đồng, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển:	10.563.734 triệu đồng.
+ Chi thường xuyên:	15.734.888 triệu đồng.
+ Chi lập quỹ dự trữ tài chính:	2.910 triệu đồng.
+ Chi dự phòng ngân sách:	517.840 triệu đồng.
+ Chi tạo nguồn CCTL:	828.801 triệu đồng.

IV. Các giải pháp thực hiện

- Tập trung theo dõi và dự báo tình hình kinh tế, đầu tư, tình hình phát triển sản xuất kinh doanh và hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, các thành phần kinh tế ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức thực hiện tốt các luật thuế, phí và lệ phí; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về thuế, tạo môi trường thuận lợi, thu hút cho tổ chức, cá nhân nộp thuế, rà soát kỹ, tạo mọi điều kiện cho các doanh nghiệp, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh hạch toán, nộp thuế vào ngân sách tỉnh.

- Đẩy mạnh, tạo chuyển biến rõ nét trong việc chống thất thu, xử lý và ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn thuế; phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế xuống dưới 5% tổng thu ngân sách nhà nước.

- Tập trung theo dõi và dự báo tình hình kinh tế, đầu tư, tình hình phát triển sản xuất kinh doanh và hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện cho doanh nghiệp ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh. Đồng thời kịp thời đánh giá những tác động đến số thu ngân sách do thực hiện các Luật thuế, Luật phí, lệ phí để kịp thời điều chỉnh đảm bảo cân đối ngân sách.

- Tập trung đẩy nhanh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để triển khai dự án, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thanh toán và quyết toán vốn đầu tư, đảm bảo việc sử dụng vốn ngân sách có hiệu quả

- Tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên của từng sở, cơ quan cấp tỉnh và địa phương; giảm mạnh kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; bố trí kinh phí mua sắm trang thiết bị chặt chẽ, đúng quy định. Tiếp tục cải cách hành chính và mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin đi đôi với tăng cường giám sát trong quản lý thu, chi ngân sách nhà nước. Chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước khi thật sự cần thiết và có nguồn bảo đảm. Thực hiện nghiêm Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Đẩy nhanh việc thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy nhanh lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công; trên cơ sở đó, thực hiện cơ cấu lại ngân sách trong từng lĩnh vực, giảm hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập, dành nguồn để tăng chi hỗ trợ các đối tượng chính sách.

- Rà soát, tập trung các nguồn lực ngân sách của địa phương ngay từ đầu năm để cân đối thực hiện các nhiệm vụ chi. Hạn chế tối đa việc ban hành các chính sách mới làm tăng chi ngân sách, trường hợp cần thiết phải ban hành yêu cầu phải đảm bảo cân đối được nguồn vốn thực hiện.

- UBND các cấp tăng cường công tác theo dõi, đánh giá và dự báo thu chi ngân sách, trên cơ sở số thực thu vào ngân sách để bố trí giải ngân nhiệm vụ chi, trường hợp tiến độ thu ngân sách chưa đạt kế hoạch phải chủ động điều chỉnh ngay nhiệm vụ chi để đảm bảo cân đối ngân sách, trong đó ưu tiên cho các nhiệm vụ chi lương và đảm bảo an sinh xã hội.

- Đối với chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất, UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa căn cứ số thực thu nguồn này vào ngân sách thì mới bố trí vốn cho dự án, tránh tình trạng nợ đọng trong xây dựng cơ bản và mất cân đối ngân sách.

Trên đây là Báo cáo Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai 03 năm 2024 - 2026 được xây dựng trên nền tảng kết quả thực hiện năm 2023 và các năm trước đó, với giả định tình hình kinh tế - xã hội ổn định và phát triển, không có chính sách, chế độ mới làm thu - chi ngân sách biến động lớn. UBND tỉnh xây dựng, kính báo cáo HĐND tỉnh để tham khảo khi thảo luận, xem xét, thông qua dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách địa phương hằng năm. Căn cứ nhiệm vụ ngân sách do trung ương giao, tình hình thực tế tại địa phương, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, hằng năm UBND tỉnh sẽ xây dựng dự toán trình HĐND tỉnh thông qua theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Chánh - Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, THNC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức

KẾ HOẠCH VAY VÀ TRẢ NỢ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2024-2026

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH 2023		DỰ KIẾN NĂM DỰ TOÁN 2024	SO SÁNH NĂM 2024 VỚI ƯỚC TH NĂM 2023	DỰ KIẾN NĂM 2025	DỰ KIẾN NĂM 2026
		DỰ TOÁN	ƯỚC TH				
		1	2	3	4=3/2	5	6
A	MỨC DỰ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP	7.103.731	7.103.731	6.965.190	327%	7.273.841	7.601.012
B	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		-				
C	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC						
I	Tổng dư nợ đầu năm	235,25	235,25	233,35	99%	233,35	233,35
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)	0,003%	0,003%	0,003%		0,003%	0,003%
-	Trái phiếu chính quyền địa phương	235,25	235,25	233,35	99%	233,35	233,35
+	Dự án Hồ Cầu Mới	235,25	235,25	233,35	99%	233,35	233,35
II	Trả nợ gốc vay trong năm	-	1,90	-	100%	-	-
1	Nợ gốc phải trả phân theo nguồn vay	-	1,90	-	1,00	-	-
-	Trái phiếu chính quyền địa phương	-	1,90	-	100%	-	-
+	Dự án Hồ Cầu Mới	-	1,90	-	100%	-	-
2	Nguồn trả nợ	-	1,90	-	100%	-	-
-	Từ nguồn vay						
-	Bội thu ngân sách địa phương						
-	Tăng thu, tiết kiệm chi						
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh	-	1,90	-	100%	-	-
III	Tổng mức vay trong năm	-	-	-	-	-	-
1	Theo mục đích vay	-	-	-		-	-
-	Vay bù đắp bội chi					-	-
-	Vay trả nợ gốc						
2	Theo nguồn vay	-	-	-		-	-
-	Trái phiếu chính quyền địa phương	-	-	-		-	-
IV	Tổng dư nợ cuối năm	235,25	233,35	233,35	99%	233,35	233,35
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)	0,003%	0,003%	0,003%		0,003%	0,003%
	Trái phiếu chính quyền địa phương	235,25	233,35	233,35	99%	233,35	233,35
+	Vay trái phiếu Hồ cầu mới	235,25	233,35	233,35	99%	233,35	233,35
D	Trả nợ lãi, phí		0,91	0,91	100%	0,91	0,91

DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2024 - 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	NĂM 2023		So sánh	DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		Dự toán	Ước thực hiện		Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
A	B	1	2	3=2/1	4	5	6
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	27.997.633	29.997.875	107%	31.035.301	26.557.605	27.648.173
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	23.679.104	25.271.300	107%	23.217.300	24.246.138	25.336.706
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	2.043.529	1.963.529	96%	4.670.467	2.311.467	2.311.467
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách						
2	Thu bổ sung có mục tiêu	2.043.529	1.963.529	96%	4.670.467	2.311.467	2.311.467
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính		0				
IV	Thu kết dư	238.571	1.562.823		619.898		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		263.794		486.820		
VI	Thu từ nguồn thực hiện cải cách tiền lương	0	0				
VII	Nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm trước	1.036.429	936.429		2.040.816		
VIII	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	1.000.000	0		0	0	0
B	TỔNG CHI NSDP	27.997.633	26.088.007	111%	31.035.301	26.557.605	27.648.173
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	25.062.833	24.418.687	114%	28.676.301	26.557.605	27.648.173
1	Chi đầu tư phát triển	10.108.405	10.382.195	127%	12.840.605	10.275.409	10.563.734
2	Chi thường xuyên	14.452.936	13.088.000	106%	15.295.690	15.498.355	15.734.889
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0	0		0	0	0
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910	449.910	15461%	2.910	2.910	2.910
5	Dự phòng ngân sách	498.582	498.582	108%	537.096	497.414	517.840
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0	0		0	283.517	828.801
II	Chi các chương trình mục tiêu	1.934.800	1.669.320	122%	2.359.000		0
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia						
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.934.800	1.669.320	122%	2.359.000		
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau						
IV	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	1.000.000	0		0	0	0

DỰ KIẾN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2023-2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán ngân sách năm 2024	So sánh	Dự kiến ngân sách năm 2025	Dự kiến ngân sách năm 2026
A	B	1	2	3=2/1	4	5
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	58.035.000	56.170.000	97%	58.998.000	61.986.780
I	Thu nội địa	40.235.000	38.370.000	95%	40.308.000	42.362.280
	<i>(Thu nội địa không bao gồm tiền SXĐ, SXKT)</i>	<i>34.445.000</i>	<i>32.900.000</i>	<i>96%</i>	<i>34.838.000</i>	<i>36.892.280</i>
	<i>(Thu nội địa không bao gồm tiền SXĐ, SXKT, cổ tức, lợi nhuận)</i>	<i>33.779.657</i>	<i>32.300.000</i>	<i>96%</i>	<i>34.238.000</i>	<i>36.292.280</i>
	<i>Tốc độ tăng thu (%)</i>		<i>-5%</i>		<i>5%</i>	<i>5%</i>
	<i>Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)</i>	<i>69%</i>	<i>68%</i>	<i>99%</i>	<i>68%</i>	<i>68%</i>
	<i>Trong đó:</i>					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý	1.520.000	1.470.000	97%	1.558.200	1.651.692
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	2.210.000	2.230.000	101%	2.363.800	2.505.628
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	12.806.199	12.874.000	101%	13.646.440	14.465.226
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	6.045.000	5.904.000	98%	6.258.240	6.633.734
5	Thuế thu nhập cá nhân	6.000.000	6.200.000	103%	6.572.000	6.966.320
6	Thuế bảo vệ môi trường	530.000	550.000	104%	583.000	617.980
7	Lệ phí trước bạ	1.050.000	1.000.000	95%	1.060.000	1.123.600
8	Thu tiền sử dụng đất	3.610.000	3.600.000	100%	3.600.000	3.600.000
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	2.180.000	1.870.000	86%	1.870.000	1.870.000
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi NHNN	665.343	600.000	90%	600.000	600.000
11	Các khoản thu khác	3.618.458	2.072.000	57%	2.196.320	2.328.099
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	17.800.000	17.800.000	100%	18.690.000	19.624.500
	<i>Tốc độ tăng thu (%)</i>		<i>0%</i>		<i>5%</i>	<i>5%</i>
	<i>Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)</i>	<i>31%</i>	<i>32%</i>		<i>32%</i>	<i>32%</i>